

**BIÊN BẢN KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT THUẾ
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP - DESCON**

Năm 2005

- Căn cứ Quyết định số 218/2003/QĐ/TTg ngày 28/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng Cục Thuế trực thuộc Bộ Tài chính;

- Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước; các Luật thuế, Pháp lệnh thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

- Căn cứ Nghị định số 61/1998/NĐ-CP ngày 15/08/1998 về công tác thanh tra, kiểm tra đối với các doanh nghiệp;

- Căn cứ Quyết định số 47 /QĐ-CT-TTr2⁶ ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Cục trưởng Cục thuế về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thuế tại Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Nghiệp - DESCON, mã số thuế 0302620641, địa chỉ 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM .

Đội kiểm tra đã tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế tại Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Nghiệp - DESCON.

Thời kỳ kiểm tra: năm 2005.

Thời gian kiểm tra: từ ngày 02/01/2007 (5 ngày làm việc thực tế).

Nội dung: Việc chấp hành pháp luật về thuế .

Hôm nay ngày 10 tháng 05 năm 2007 tại văn phòng Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Nghiệp - DESCON, chúng tôi gồm:

1. Đội kiểm tra:

1/ Bà : Bùi Thi Nguyệt Hồng

Trưởng đoàn

2/ Bà : Trần Thị Kim Ngân

Thành viên

3/ Bà : Nguyễn Thị Ngọc⁶

Thành viên

4/ Ông: Phạm Nguyễn Hải Long

Thành viên

2. Đại diện Cơ sở sản xuất kinh doanh:

1/ Ông: Nguyễn Xuân Bằng

Tổng Giám đốc

2/ Bà : Đỗ Thị Lệ Thu

Kế toán trưởng

Lập biên bản xác nhận kết quả kiểm tra như sau:

A/ ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CƠ SỞ SXKD:

- Quyết định thành lập: số 169/QĐ-TTG ngày 25/02/2002 do Thủ Tướng Chính Phủ cấp.

- Đăng ký kinh doanh: số 4103001013 ngày 29/05/2002 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp.

- Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình.

- Hình thức hạch toán: Nhật ký chung.

- Đăng ký kê khai nộp thuế tại: Cục Thuế TPHCM.

- Hình thức kê khai nộp thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.

- Quy mô: Trụ sở chính số 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1 TP.HCM và các chi nhánh sau:

Stt	Tên Chi Nhánh	Địa chỉ	Hình thức hạch toán
1	Xí nghiệp Xây dựng số 1	Lầu 5 Nguyễn Công Trứ, Quận 1	Hạch toán báo số
2	Xí nghiệp Xây dựng và Thương mại	247A/32 Huỳnh Văn Bánh, Q.PN	-nt-
3	Xí nghiệp Xây dựng và Lắp đặt cơ điện lạnh	19C4 Chu Văn An, Quận Bình Thạnh	-nt-
4	Xí nghiệp Xây dựng và Sản xuất Công Nghiệp	Lầu 8 Nguyễn Công Trứ, Quận 1	-nt-
5	Chi nhánh Bình Dương	Khu 3, Phường Phú Thọ- Bình Dương	-nt-

B/ KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA NĂM 2005 :

Do thời gian và số lượng cán bộ hạn chế, Đoàn kiểm tra chỉ mới xem xét các nội dung và phạm vi hồ sơ tài liệu như sau :

- Nội dung kiểm tra : Kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế.
- Phạm vi kiểm tra : Thuế GTGT, Thu nhập doanh nghiệp, Thuế thu nhập cá nhân.
- Kiểm tra tài khoản loại 6, tài khoản loại 5, 133, 333. Chứng từ gốc xem theo mẫu tháng 12. Thuế GTGT đối chiếu giữa chứng từ hoá đơn và bảng kê thuế GTGT tháng 12 do đơn vị kê khai với Cục Thuế TPHCM.
- Các nội dung khác ghi nhận theo báo cáo của doanh nghiệp .

Đoàn kiểm tra căn cứ vào số liệu trên hồ sơ là: Các báo cáo quyết toán thuế năm 2005 ; Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các bảng kê khai thuế và chứng từ hoá đơn của đơn vị xuất trình để kiểm tra. Trường hợp sau này phát hiện số liệu trên các hồ sơ nêu trên của đơn vị xuất trình không đúng sự thật hoặc đơn vị tự ý sửa chữa sai với hồ sơ khi xuất trình cho Đoàn kiểm tra thì đơn vị phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử phạt theo đúng qui định của pháp luật.

Năm 2005 là năm cuối cùng đơn vị được hưởng ưu đãi cổ phần hoá từ giai đoạn nhà nước chuyển sang công ty cổ phần.

I/ Thuế giá trị gia tăng (GTGT):

S.1	CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU BÁO CÁO CỦA CSSXKD	SỐ LIỆU THANH TRA KIỂM TRA	CHÊNH LỆCH
I	Thuế GTGT			
1	Tổng doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ (=1.1+1.2)	200.472.846.938	200.472.846.938	
1.1	Doanh thu không chịu thuế GTGT			
1.2	Doanh thu chịu thuế GTGT (=2a+2b+2c)	200.472.846.938	200.472.846.938	
a	+ Doanh thu chịu thuế suất 0%	26.588.203.072	26.588.203.072	
b	+ Doanh thu chịu thuế suất 5%	5.482.512.895	5.482.512.895	
c	+ Doanh thu chịu thuế suất 10%	168.402.130.971	168.402.130.971	
2	Thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra	14.023.800.163	14.023.800.163	
3	Thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào	9.399.088.328	9.351.682.383	(47.405.945)
4	Thuế GTGT của HH, DV mua vào được khấu trừ	9.399.088.328	9.351.682.383	(47.405.945)
5	Thuế GTGT phải nộp Ngân sách Nhà nước (=2-4)	4.624.711.835	4.672.117.780	47.405.945
6	Thuế GTGT đã ghi bộ trong tờ khai tháng 3-2006	383.536.156	383.536.156	-
7	Thuế GTGT phải nộp Ngân sách Nhà nước (=5-6)	4.241.175.679	4.288.581.624	47.405.945
II	Thuế khác:			
1	Thuế TNCN	31.125.594	31.125.594	
2	Thuế môn bài	5.000.000	5.000.000	

Ghi chú: Số thuế GTGT bán ra phải nộp năm 2005 là 17.114.338.741đ trong đó nộp tại các tỉnh 3.090.538.578đ còn lại nộp tại TP.HCM là 14.023.800.163đ.

*** Giải trình phát hiện chênh lệch qua thanh tra, kiểm tra:**

Thuế GTGT hàng hoá dịch vụ mua vào giảm: (47.405.945)
 + Thuế GTGT hàng hoá dịch vụ mua vào giảm do khấu trừ quá hạn 03 tháng (46.069.581)
 + Thuế GTGT hàng hoá dịch vụ mua hoá đơn tham quan du lịch của Xí nghiệp Xây Dựng và Thương mại (1.336.364)

II/Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Đơn vị tính : đồng

STT	Chỉ tiêu	SỐ LIỆU BÁO CÁO	SỐ LIỆU KIỂM TRA	CHÊNH LỆCH
I	XÁC ĐỊNH KQSXKD THEO BÁO CÁO TÀI CHÍNH			
1	Doanh thu bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ	182.345.452.774	182.345.452.774	
	T.đó : + DT bán hàng không thuộc diện nộp thuế TNDN			
	+ DT CQSĐĐ, chuyển quyền thuê đất			
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			
	Gồm : + Chiết khấu thương mại			
b	+ Giảm giá hàng bán			
c	+ Giá trị hàng bán bị trả lại			
3	Doanh thu hoạt động tài chính	1.304.619.621	1.304.619.621	
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ	174.212.189.178	174.061.277.572	(150.911.606)
a	Giá vốn hàng bán :	166.603.372.341	166.603.372.341	
	Trong đó : giá vốn của đất chuyển quyền			
b	Chi phí bán hàng	3.150.000	3.150.000	
	Trong đó : Chi phí cho CQSĐĐ, chuyển quyền thuê đất			
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.605.666.837	7.454.755.231	(150.911.606)
	Trong đó : Chi phí cho CQSĐĐ, chuyển quyền thuê đất			
5	Chi phí tài chính	1.209.143.101	1.209.143.101	
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.228.740.116	8.379.651.722	150.911.606
	Trong đó : Lợi nhuận từ CQSĐĐ, chuyển quyền thuê đất			
7	Thu nhập khác	9.773.268.401	11.014.919.015	1.241.650.614
8	Chi phí khác	358.343.150	358.343.150	
9	Lợi nhuận khác	9.414.925.251	10.656.575.865	1.241.650.614
10	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	17.643.665.367	19.036.227.587	1.392.562.220
a	Trong đó : Thu nhập từ CQSĐĐ, chuyển quyền thuê đất			
II	XÁC ĐỊNH T/NHẬP C/THUẾ THEO LUẬT THUẾ TNDN			
1	Điều chỉnh tăng lợi nhuận			
2	Điều chỉnh giảm lợi nhuận	3.761.069.581	3.761.069.581	
3	Lỗ từ các năm trước chuyển sang			
4	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	13.882.595.786	15.275.158.006	1.392.562.220
5	Thuế suất thuế TNDN phải nộp	28%	28%	28%
a	Trong đó : Thuế TNDN từ CQSĐĐ, chuyển quyền thuê đất			
6	Tổng số thuế TNDN phải nộp trong năm	3.887.126.820	4.277.044.242	389.917.422
7	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm			
8	Thuế TNDN được giảm(14%)	1.943.563.410	1.943.563.410	
9	Thuế TNDN còn phải nộp	1.943.563.410	2.333.480.832	389.917.422

* Khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận để tính thuế TNDN:	3.761.069.581
- Thu nhập từ cổ tức được chia	105.000.000
- Lợi nhuận từ việc tăng giảm doanh thu và chi phí theo biên bản kiểm tra quyết toán thuế 2003 và 2004	3.656.069.581
* Giải trình số liệu chênh lệch phát hiện qua thanh tra, kiểm tra:	
1/ Chi phí:	
Tổng chi phí toàn công ty giảm:	(150.911.606)
a/ Chi phí giảm:	(196.981.187)
- Giảm chi phí thù lao hội đồng quản trị	(66.240.000)
- Giảm chi phí không có chứng từ của công ty	(93.500.000)
- Giảm chi phí tham quan du lịch của XN Xây dựng & Thương mại	(13.363.636)
- Giảm trích khấu hao cơ bản quyền sử dụng đất BD vượt TGSD	(23.877.551)
- Tăng chi phí của các hoá đơn mua vào quá hạn khấu trừ	46.069.581
2/ Thu nhập khác tăng:	1.241.650.614
- Thu tiền phạt từ công trình Larkhall-Savico	1.241.650.614

III/ Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà Nước:

STT	CHỈ TIÊU	KỶ TRƯỚC CHUYỂN SANG	PHÁT SINH PHẢI NỘP TRONG KỶ	SỐ CHÊNH LỆCH QUA KIỂM TRA	SỐ ĐÃ NỘP TRONG KỶ	SỐ CÒN PHẢI NỘP
1	Thuế GTGT	(2.447.571.688)	4.241.175.679	47.405.945	640.754.921	1.200.255.015
2	Thuế TNDN	929.407.182	1.943.563.410	389.917.422	1.338.907.182	1.923.980.832
3	Thuế môn bài		5.000.000		5.000.000	-
4	Thuế TNCN	73.461.080	31.125.594		73.461.080	31.125.594
	Nộp khác		1.000.000		1.000.000	-
	CỘNG	(1.444.703.426)	6.221.864.683	437.323.367	2.059.123.183	3.155.361.441

C/ KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

- Về tình hình sản xuất kinh doanh của đối tượng nộp thuế : Đơn vị kinh doanh ổn định.
- Về việc mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán và hóa đơn chứng từ: Công ty mở sổ sách rõ ràng, tập hợp lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán. Còn tồn tại một số chứng từ hoá đơn không đúng qui định do Bộ Tài Chính phát hành.
- Về tính tuân thủ các Luật thuế của ĐTNNT : Công ty đã thực hiện việc kê khai và nộp thuế GTGT, thuế TNDN theo quy định.
- Đề nghị Công ty nộp các khoản còn tồn đọng vào ngân sách nhà nước.

2. Kiến nghị:

Doanh nghiệp chúng tôi chấp hành tốt pháp luật về thuế, kê khai và nộp thuế tương đối kịp thời và đầy đủ. Chúng tôi thường xuyên nhắc nhở và luôn cảnh báo các đội thi công của chúng tôi về những rủi ro xảy ra nếu sử dụng hóa đơn của các doanh nghiệp bỏ trốn. Đề nghị cơ quan thuế tăng cường quản lý và thông báo các doanh nghiệp vi phạm pháp luật cũng như các hóa đơn không còn giá trị sử dụng trên các phương tiện thông tin đại chúng để doanh nghiệp kịp thời ngăn chặn và phòng ngừa. Các trang web của ngành thuế đều có chuyên mục này nhưng thông tin đưa lên rất chậm.

Biên bản gồm 05 trang được thông qua cùng ngày và được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện cơ sở kinh doanh



Nguyễn Xuân Bằng
Kế toán trưởng

Đoàn kiểm tra

Bùi Thị Nguyệt Hồng Phạm Nguyễn Hải Long

Đỗ Thị Lệ Thu

Nguyễn Thị Ngo

Trần Thị Kim Ngân